

Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên năm 2026

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hình thức đào tạo thường xuyên năm 2026, cụ thể như sau:

Ngành Luật (mã ngành 7380101): 297 chỉ tiêu.

1. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1.1. Đối tượng dự tuyển

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam.
- Người đã có bằng tốt nghiệp đại học và đáp ứng các điều kiện dự tuyển có liên quan theo quy định hiện hành.

1.2. Điều kiện dự tuyển chung

- Đạt ngưỡng đầu vào của chương trình đào tạo ngành Luật theo quy định tại mục 1.3 của Hướng dẫn này.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của thông tin và hồ sơ đã nộp.
- Hoàn thành việc đăng ký dự tuyển, nộp hồ sơ và mức thu dịch vụ tuyển sinh đúng thời hạn theo thông báo của Trường.

1.3. Ngưỡng đầu vào

Ngưỡng đầu vào đối với phương thức 100 và phương thức 414 được thực hiện theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/03/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn chương trình đào tạo

lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học; Quyết định số 955/QĐ-ĐHQGHN ngày 20/03/2026 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; Quyết định số 1961/QĐ-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật năm 2026 (áp dụng đối với phương thức 100) và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Trường Đại học Luật sử dụng 02 phương thức xét tuyển đối với chương trình đào tạo ngành Luật hình thức đào tạo thường xuyên:

- Phương thức 1 (mã phương thức 100): Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.
- Phương thức 2 (mã phương thức 414): Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với phỏng vấn để xét tuyển.

Thí sinh đáp ứng điều kiện của cả hai phương thức được đăng ký xét tuyển đồng thời theo phương thức 100 và phương thức 414. Đối với mỗi phương thức, thí sinh chỉ được đăng ký 01 tổ hợp xét tuyển.

2.1. Phương thức 100: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Nhà trường sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của 03 môn thuộc một trong 06 tổ hợp xét tuyển dưới đây; các môn đều tính hệ số 1:

TT	Tổ hợp	Môn xét tuyển
1	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
2	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
3	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lý
4	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
5	C19	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục kinh tế và pháp luật
6	D66	Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh

Điểm thi theo tổ hợp (ĐTHPT) là tổng điểm 03 môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển. Ngưỡng đầu vào đối với phương thức 100 thực hiện theo mục 1.3 của Hướng dẫn này.

Tổng điểm đạt được = ĐTHPT + Điểm cộng (nếu có)

Điểm xét tuyển = Tổng điểm đạt được + Điểm ưu tiên (nếu có)

Điểm xét tuyển được khống chế tối đa 30,00 điểm và được làm tròn đến hai chữ số thập phân sau khi cộng đầy đủ điểm cộng, điểm ưu tiên theo quy định.

2.2. Phương thức 414: Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với phỏng vấn để xét tuyển

Phương thức này áp dụng đối với **thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và đáp ứng ngưỡng đầu vào** tại mục 1.3. Thí sinh sử dụng một trong 06 tổ hợp A01, C03, C04, D01, C19, D66; và chỉ lựa chọn 01 tổ hợp để đăng ký xét tuyển theo phương thức 414.

1. a) Kết quả học tập cấp THPT

Sử dụng điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11 và 12 của 03 môn thuộc tổ hợp xét tuyển. Với mỗi môn, điểm dùng để xét tuyển là trung bình cộng điểm cả năm của môn đó ở lớp 10, lớp 11 và lớp 12. Ba môn trong tổ hợp được tính hệ số 1, mỗi môn chiếm trọng số 1/3 trong thành phần điểm học tập; tổ hợp xét tuyển bắt buộc có môn Toán hoặc Ngữ văn theo quy định. Điểm học tập (ĐHT) bằng tổng điểm của 03 môn và được tính theo thang điểm 30.

$$\text{Điểm môn} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10} + \text{ĐTB cả năm lớp 11} + \text{ĐTB cả năm lớp 12})/3$$

$$\text{ĐHT} = \text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3}$$

Trường hợp môn học trong tổ hợp xét tuyển không có đủ dữ liệu học tập theo yêu cầu do thay đổi lựa chọn môn học, việc xác định môn thay thế và cách tính điểm thực hiện theo Quyết định số 955/QĐ-ĐHQGHN và hướng dẫn cụ thể của Nhà trường.

1. b) Phỏng vấn

Phỏng vấn nhằm đánh giá mức độ phù hợp của thí sinh với chương trình đào tạo ngành Luật, tập trung vào: kiến thức nền tảng và hiểu biết xã hội; năng lực tư duy logic, phân tích và lập luận; kỹ năng giao tiếp, trình bày và diễn đạt quan điểm; động cơ học tập và định hướng nghề nghiệp; khả năng xử lý tình huống và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Phỏng vấn được thực hiện theo hình thức trao đổi trực tiếp giữa thí sinh và Tiểu ban/Hội đồng phỏng vấn. Điểm phỏng vấn (ĐPV) được chấm theo thang điểm 100.

1. c) Cách tính điểm xét tuyển

Kết quả học tập cấp THPT chiếm trọng số 40%; kết quả phỏng vấn chiếm trọng số 60%. Điểm cơ sở (ĐCS) được quy về thang điểm 30:

$$\text{ĐCS} = (\text{ĐHT} \times 0,40) + (\text{ĐPV} \times 18/100)$$

Trong đó, thành phần kết quả học tập cấp THPT đóng góp tối đa 12,00 điểm; thành phần phỏng vấn đóng góp tối đa 18,00 điểm. Ngưỡng đầu vào đối với phương thức 414 thực hiện theo mục 1.3 của Hướng dẫn

này.

Tổng điểm đạt được = ĐCS + Điểm khuyến khích (nếu có)

Điểm xét tuyển = Tổng điểm đạt được + Điểm ưu tiên (nếu có)

Điểm xét tuyển được khống chế tối đa 30,00 điểm và được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Tổng điểm cộng theo quy định không vượt quá 3,00 điểm theo thang điểm 30; việc tính điểm ưu tiên thực hiện theo Mục 8 của Hướng dẫn này.

1. THỦ TỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển đối với phương thức 100

- Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu của Trường Đại học Luật;
- Sơ yếu lý lịch theo mẫu của Trường Đại học Luật;
- Bản sao chứng thực giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời/bằng tốt nghiệp THPT theo quy định.
- Bản sao Căn cước/Căn cước công dân hoặc giấy tờ định danh hợp pháp.
- Bản sao chứng thực giấy tờ minh chứng đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên (nếu cần đối chiếu) và thành tích/điểm cộng (nếu có).
- Bản sao chứng thực chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn sử dụng nếu đề nghị hưởng điểm khuyến khích.
- 02 ảnh màu cỡ 4×6 cm, chụp trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

2. Hồ sơ đăng ký dự tuyển đối với phương thức 414

- Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu của Trường Đại học Luật;
- Sơ yếu lý lịch theo mẫu của Trường Đại học Luật;
- Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời/bằng tốt nghiệp THPT theo quy định.
- Bản sao chứng thực học bạ THPT thể hiện đầy đủ kết quả học tập lớp 10, lớp 11 và lớp 12.
- Minh chứng đáp ứng ngưỡng đầu vào theo mục 1.3 và theo yêu cầu hồ sơ được Nhà trường công bố (nếu có).
- Bản sao Căn cước/Căn cước công dân hoặc giấy tờ định danh hợp pháp.

- Bản sao chứng thực giấy tờ minh chứng đối tượng ưu tiên và chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn sử dụng (nếu có).
- Đối với người đã có bằng đại học: 03 bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp đại học; 03 bản sao chứng thực bằng điểm đại học;
- 02 ảnh màu cỡ 4×6 cm, chụp trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

Lưu ý: Thí sinh phải hoàn thành đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu. Trường hợp hồ sơ thiếu, không hợp lệ hoặc thông tin không thống nhất, Nhà trường có quyền yêu cầu bổ sung/đối chiếu trước khi đưa vào xét tuyển.

Hình thức nộp hồ sơ: Thực hiện theo Thông báo tuyển sinh của Trường Đại học Luật (trực tiếp hoặc qua bưu chính). Thông tin chính thức được công bố tại website: <https://law.vnu.edu.vn>.

Địa chỉ liên hệ/tiếp nhận hồ sơ giấy: Phòng 104, Nhà E1, số 144 đường Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Đối với một chương trình đào tạo có nhiều phương thức hoặc tổ hợp xét tuyển, Nhà trường xác định độ lệch điểm và quy đổi tương đương theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GDĐT và ĐHQGHN, bảo đảm tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng trên cùng chuẩn đầu vào.

4. Số lượng tuyển sinh

TT	Tên chương trình/ngành	Mã ngành	Số lượng tuyển sinh	Phương thức
1	Luật (chương trình chuẩn)	7380101	297	100; 414

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Trường

5.1. Điều kiện phụ và nguyên tắc xét tuyển

- Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển theo chương trình đào tạo phù hợp với số lượng tuyển sinh đã công bố và không thấp hơn ngưỡng đầu vào.
- Tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét tuyển và điểm trúng tuyển đã quy đổi tương đương giữa các phương thức, tổ hợp xét tuyển.
- Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, ưu tiên thí sinh có điểm cộng thấp hơn.

Trường hợp vẫn không xác định được thí sinh trúng tuyển, Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định theo từng phương thức tuyển sinh.

- Điểm xét tuyển và điểm trúng tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân theo nguyên tắc làm tròn toán học.

5.2. Điểm cộng

Tổng điểm cộng (gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích) không vượt quá 3,00 điểm theo thang điểm 30. Một thành tích không được dùng đồng thời cho nhiều loại điểm cộng; trường hợp một thí sinh có nhiều mức điểm cộng từ cùng một thành tích thì chỉ tính mức cao nhất.

1. a) Điểm thưởng áp dụng đối với phương thức 100

- Giải Nhất kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/cử tham gia: cộng 3,00 điểm.
- Giải Nhì: cộng 2,50 điểm.
- Giải Ba: cộng 2,00 điểm.

Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển và ngành đăng ký xét tuyển phải phù hợp theo quy định.

1. b) Điểm xét thưởng áp dụng đối với phương thức 100

- Giải Khuyến khích kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế ở môn phù hợp: cộng 1,50 điểm.
- Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/cử tham gia, đề tài thuộc nhóm Khoa học xã hội và hành vi và được Hội đồng tuyển sinh đánh giá phù hợp: Giải Nhất cộng 1,50 điểm; Giải Nhì cộng 1,00 điểm; Giải Ba cộng 0,50 điểm.
- Thí sinh có kết quả học tập cả 03 năm THPT được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên), đồng thời đạt giải Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, kỳ thi học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN hoặc học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ở môn phù hợp: Giải Nhất cộng 1,50 điểm; Giải Nhì cộng 1,00 điểm; Giải Ba cộng 0,50 điểm.

Các môn/lĩnh vực áp dụng thực hiện theo Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Luật và Quy chế tuyển sinh của ĐHQGHN; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

1. c) Điểm khuyến khích chứng chỉ ngoại ngữ (áp dụng đối với phương thức 100 và phương thức 414)

- Chứng chỉ tương đương bậc 6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam: cộng tối đa 1,50 điểm.
- Chứng chỉ tương đương bậc 5: cộng tối đa 1,25 điểm.
- Chứng chỉ tương đương bậc 4: cộng tối đa 1,00 điểm.

Chứng chỉ phải còn thời hạn sử dụng tính đến thời điểm kết thúc đăng ký/nộp hồ sơ xét tuyển (giá trị 02 năm kể từ ngày thi); chứng chỉ quốc tế phải đáp ứng yêu cầu về kỹ năng theo quy định và không sử dụng chứng chỉ thi online. Chứng chỉ đã sử dụng để quy đổi điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển thì không đồng thời sử dụng để cộng điểm khuyến khích.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Kế hoạch tuyển sinh

TT	Nội dung	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Nhận hồ sơ	Từ ngày thông báo tuyển sinh đến hết ngày 10/11/2026	Theo hình thức Trường công bố
2	Xét tuyển hồ sơ, tổ chức phỏng vấn	Dự kiến trước ngày 16/11/2026	Phỏng vấn trực tiếp đối với phương thức 414
3	Công bố kết quả	Dự kiến trước ngày 30/11/2026	Tại website https://law.vnu.edu.vn
4	Nhập học	Dự kiến ngày 05/12/2026	Theo thông báo trúng tuyển

6.2. Thời gian đào tạo, thời gian học và địa điểm học

- Thời gian đào tạo dự kiến từ 2,5 đến 3 năm đối với người dự tuyển đã có bằng đại học; việc công nhận, chuyển đổi tín chỉ thực hiện theo quy chế đào tạo hiện hành.
- Thời gian đào tạo dự kiến từ 4 đến 4,5 năm đối với người dự tuyển có bằng THPT hoặc tương đương.
- Thời gian học tập: ngoài giờ hành chính, dự kiến vào thứ Bảy và Chủ nhật.
- Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Luật, ĐHQGHN, Nhà E1, số 144 đường Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điều kiện tốt nghiệp và thời hạn tối đa hoàn thành khóa học thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học tại ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/10/2022 và các quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

7. Thông tin về học phí

Mức học phí dự kiến đối với khóa tuyển sinh đào tạo thường xuyên năm 2026 như sau:

TT	Năm học	Mức học phí (đồng/tháng)	Mức học phí (đồng/năm)	Ghi chú
1	Năm học 2026-2027	4.564.500	45.645.000	
2	Năm học 2027-2028	5.020.950	50.209.500	
3	Năm học 2028-2029	5.523.045	55.230.450	Tổng 3 năm: 151.084.950
4	Năm học 2029-2030	6.075.350	60.753.495	Tổng 4 năm: 211.838.445

Mức học phí nêu trên là mức dự kiến theo lộ trình đã được phê duyệt; mức thu thực tế thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền và thông báo của Nhà trường tại thời điểm thu.

8. Chính sách ưu tiên

Nhà trường áp dụng chính sách ưu tiên theo khu vực và đối tượng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành. Đối với ưu tiên khu vực, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp. Mức điểm ưu tiên theo thang điểm 30:

- Khu vực: KV1 = 0,75 điểm; KV2-NT = 0,50 điểm; KV2 = 0,25 điểm; KV3 = 0 điểm. Thí sinh được hưởng ưu tiên khu vực trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp.
- Đối tượng: nhóm UT1 = 2,00 điểm; nhóm UT2 = 1,00 điểm. Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chỉ hưởng mức ưu tiên cao nhất.

Đối với thí sinh có Tổng điểm đạt được từ 22,50 trở lên (quy về thang điểm 30) điểm ưu tiên được xác định theo công thức:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$$

9. Mức thu dịch vụ tuyển sinh

- Phương thức 100: dự kiến 200.000 đồng/thí sinh.
- Phương thức 414: dự kiến 400.000 đồng/thí sinh.

Trường hợp thí sinh đăng ký đồng thời phương thức 100 và phương thức 414, mức thu dịch vụ tuyển sinh là tổng mức thu của hai phương thức đã đăng ký.

Phương thức nộp và thông tin tài khoản (nếu nộp chuyển khoản) được Trường Đại học Luật công bố trong Thông báo tuyển sinh chính thức.

III. THÔNG TIN LIÊN HỆ, HỖ TRỢ

- Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Địa chỉ: Phòng 104, Nhà E1, số 144 đường Xuân Thủy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243.754.7826 (giờ hành chính) hoặc 0985.808.008 (cô Nguyễn Hương).
- Website: <https://law.vnu.edu.vn>.
- Fanpage: <https://www.facebook.com/SchoolOfLaw.Vnu/>.